

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ BÀI THI NGHE TIẾNG TRUNG QUỐC

Đinh Thị Hồng Thu*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 16 tháng 05 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 09 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 03 năm 2020

Tóm tắt: Trong dạy-học nói chung và dạy-học ngoại ngữ nói riêng, bài kiểm tra, bài thi là một trong những hình thức quan trọng để đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình học tập. Kết quả thi hay điểm thi thể hiện trình độ và năng lực của người học, đồng thời phản ánh hiệu quả dạy và học. Một bài thi chất lượng có thể cung cấp những thông tin phản hồi giúp người dạy và người học kịp thời đưa ra những điều chỉnh cần thiết nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả dạy-học. Bài viết này tiến hành thống kê, phân tích kết quả các bài thi Nghe tiếng Trung Quốc giai đoạn sơ cấp, từ đó đưa ra nhận xét về tình hình kết quả học tập, hiệu quả dạy-học, và đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đề thi.

Từ khóa: kiểm tra đánh giá, nghe, tiếng Trung Quốc, kết quả học tập

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đều biết rằng kiểm tra đánh giá là một trong bốn khâu chính của cả quá trình dạy-học: thiết kế chương trình tổng thể, biên soạn giáo trình, tổ chức dạy-học và kiểm tra đánh giá. Các bài thi, bài kiểm tra định kỳ trong quá trình dạy-học ngoại ngữ ở trường học thông thường đều có chung một mục đích là đánh giá mức độ tiến bộ trong học tập của người học. Điểm thi thể hiện thành tích học tập của người học, đồng thời cũng phản ánh hiệu quả dạy và học sau một quá trình học tập và rèn luyện nhất định (thường được tiến hành vào giữa học kỳ hoặc cuối học kỳ). Ví dụ, điểm thi môn Nghe thể hiện thành tích học tập và rèn luyện kỹ năng Nghe qua một khoảng thời gian học tập, đồng thời cũng phản ánh hiệu quả dạy-học kỹ năng này trên lớp của thầy và trò. Với người học, họ sẽ biết được năng lực hiện tại của mình, đánh giá được sức mình so với các bạn, từ đó tự điều chỉnh phương

pháp và mục tiêu học kỹ năng nghe của mình...; với thầy cô, dựa vào điểm số các bài thi, có thể hiểu được tình hình học kỹ năng nghe thực tế của người học, kiểm nghiệm tính hiệu quả các phương pháp dạy-học đã được sử dụng trên lớp, xác nhận tính phù hợp, độ tương thích của nội dung dạy-học (kịp thời điều chỉnh khi cần)... Việc thống kê phân tích điểm bài thi có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn kết quả học tập của người học, biết được tỷ lệ điểm cao thấp của các bài thi, phán đoán, xác nhận được mức độ khó, dễ của các nội dung thi... có lợi trong việc xác định và chỉnh đốn trọng tâm dạy-học trên lớp sao cho phù hợp với mục tiêu môn học...; bên cạnh đó cũng sẽ cung cấp các thông tin phản hồi tích cực cho công tác ra đề thi, đề kiểm tra.

Với mục đích tìm hiểu để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy-học và ra đề thi, chúng tôi đã tiến hành thống kê phân tích điểm các bài thi để trên cơ sở đó, đưa ra nhận xét về tình hình học tập và một số ý kiến trao đổi về việc ra đề thi.

* ĐT.: 84-90 320 3194

Email: dinhhongthu73@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu và đối tượng khảo sát

Chúng tôi tập trung thống kê điểm bài thi, tính chỉ số độ khó dễ, độ phân loại, xác định mức độ khó dễ và tính phân loại của đề thi. Trên cơ sở phân tích cấu trúc đề bài thi, các hình thức câu hỏi trong bài thi, chủ đề, cấp độ từ vựng, mẫu câu xuất hiện trong bài thi, chúng tôi đưa ra nhận xét về tính hiệu quả và tính khả thi của đề thi.

Đối tượng khảo sát thống kê của chúng tôi là các bài thi kỹ năng Nghe tiếng Trung Quốc giai đoạn sơ cấp (Nghe SC1 và Nghe SC2) của 02 khóa học tại một trường giảng dạy tiếng Trung Quốc.¹

Số lượng các bài thi được khảo sát thống kê cụ thể như sau:

Bảng 1. Số lượng bài thi được khảo sát thống kê

	K1	K2	Tổng số
Nghe SC1	163	115	278
Nghe SC2	171	118	289
Tổng số	334	233	567

3. Công cụ nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20.0 và Excel làm công cụ để phân tích kết quả của 567 bài thi, các bước cụ thể như sau:

Bước một: nhập dữ liệu vào phần mềm SPSS, bao gồm số điểm đạt được của từng câu hỏi trong bài thi, điểm bài thi.

Bước hai: sử dụng phần mềm SPSS và Excel để tính toán các chỉ số về độ khó dễ, độ phân loại.

Nội dung dưới đây mô tả cụ thể cách tính toán các chỉ số độ khó dễ và độ phân loại:

3.1. Tính toán độ khó dễ

Độ phân loại của đề thi và độ khó dễ của

từng câu hỏi có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Độ khó dễ của các câu hỏi trong đề thi cũng có tác dụng phân loại trình độ người học, bởi điểm số đối với các câu hỏi có độ khó dễ khác nhau sẽ không giống nhau, điểm bài thi vì thế sẽ được phân bố ở những phân khúc điểm giỏi, khá, trung bình, kém...

Tuy vậy cũng cần chú ý rằng độ phân loại và độ khó dễ không hoàn toàn tương đương nhau. Độ khó dễ của từng câu hỏi có thể được xác định dựa vào kinh nghiệm của người ra đề trong lúc ra đề, còn độ phân loại của đề thi chỉ có được trong quá trình thử nghiệm đề thi thử hoặc sau khi thi chính thức.

Chỉ số độ khó dễ được tính toán dựa vào 2 công thức đơn giản P1 và P2 dưới đây:

$$P1 = \frac{\text{số thí sinh trả lời đúng câu hỏi}}{\text{tổng số thí sinh tham gia trả lời câu hỏi}}$$

(Liu Runqing, 2000)

$$P2 = \frac{\text{điểm số trung bình của câu hỏi}}{\text{mức điểm tối đa của câu hỏi}}$$

(Liu Runqing, 2000)

Công thức P1 được áp dụng đối với những dạng câu hỏi mang tính khách quan (phần 1, 2 và 4 của bài Nghe SC1; phần 1, 2 của bài Nghe SC2) công thức P2 được áp dụng với những dạng câu hỏi mang tính bán khách quan (phần 3 của cả hai bài Nghe SC1 và Nghe SC2).

Các mức độ khác nhau về độ khó dễ được đánh giá dựa vào bảng tham chiếu dưới đây:

Bảng 2. Bảng chỉ số độ khó dễ
(Liu Runqing, 2000)

Chỉ số	Mức độ khó dễ
$0 \leq P \leq 0,2$	Rất khó
$0,2 < P \leq 0,4$	Khó
$0,4 < P \leq 0,6$	Trung bình
$0,6 < P \leq 0,8$	Dễ
$0,8 < P \leq 1$	Rất dễ

¹ Ban Biên tập và tác giả bài viết thống nhất không nêu đích xác đơn vị cung cấp nguồn tư liệu khảo sát.

Khi tính toán độ khó dễ chúng tôi đã sử dụng hàm mô tả thống kê trong SPSS để có được giá trị trung bình và số thí sinh trả lời đúng/sai của mỗi câu hỏi, sau đó tính giá trị độ khó của từng câu hỏi bằng Excel.

3.2. Tính toán chỉ số độ phân loại

Chỉ số độ phân loại được tính dựa vào mức chênh lệch tỷ lệ tổng điểm giữa 27% người học thuộc nhóm điểm đứng đầu và 27% người học ở nhóm điểm đứng cuối để hiểu được sự khác biệt của 1/4 người học đứng đầu và 1/4 người học đứng cuối: $p = \frac{\sum \text{Giỏi}}{\sum \text{Kém}}$.

Bằng phần mềm SPSS, chúng tôi xác định được nhóm các bài thi có điểm cao nhất và

thấp nhất, sau đó tiến hành tính toán, so sánh điểm số đạt được của từng phần cũng như của cả bài thi của hai nhóm trên.

Độ phân loại càng cao thể hiện đề thi càng có tính phân loại trình độ người học. Ngưỡng của chỉ số độ phân loại thường ở mức $p \geq 0,2$; nếu chỉ nằm trong khoảng 0-0,2 thì bài thi không có được tính phân loại cần thiết (tài liệu TOCFL, 2016).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Cấu trúc các bài thi

Cấu trúc các bài thi Nghe SC1 của lần khảo sát này được trình bày tóm tắt trong Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Cấu trúc bài thi Nghe SC1

	Nội dung	Đặc điểm	SL câu hỏi	Thời gian thi
K1	Nghe chọn đáp án phù hợp	Nghe một câu văn ngắn, trả lời một câu hỏi theo hình thức chọn một đáp án phù hợp.	05	(bài thi không ghi thời gian) Đĩa nghe được bật sau khi thí sinh xem đề trước 03 phút; Mỗi nội dung đều được nghe 02 lần; CBCT thu bài khi tiếng nhạc kết thúc.
		Nghe hai câu đối thoại đơn giản, trả lời một câu hỏi theo hình thức chọn một đáp án phù hợp.	05	
	Nghe phán đoán đúng sai	Nghe một đoạn hội thoại, phán đoán đúng sai theo hình thức đánh dấu (✓; ✗)	03	
		Nghe một đoạn văn, phán đoán đúng sai theo hình thức đánh dấu (✓; ✗)	03	
	Nghe trả lời câu hỏi	Nghe một đoạn hội thoại, trả lời câu hỏi	04	
	Nghe điền chỗ trống	Nghe một đoạn văn, điền chỗ trống	08	
K2	Nội dung	Đặc điểm	SL câu hỏi	Thời gian thi
	Nghe chọn đáp án phù hợp	Nghe hai câu đối thoại đơn giản trả lời một câu hỏi theo hình thức chọn một đáp án phù hợp.	10	20 phút Đĩa được bật sau khi thí sinh xem đề trước 03 phút, mỗi nội dung đều được nghe 02 lần; CBCT thu bài khi tiếng nhạc kết thúc.
	Nghe phán đoán đúng sai	Nghe một đoạn hội thoại, phán đoán đúng sai theo hình thức đánh dấu (✓; ✗)	05	
	Nghe trả lời câu hỏi	Nghe một đoạn hội thoại, trả lời câu hỏi	04	

Bảng 4. Tổng hợp cấu trúc bài thi Nghe SC1

Cấu trúc		Bài thi	Số câu x điểm	
			K1	K2
Thời gian			N/A ¹	20 phút
Nội dung lớn			04	03
Câu hỏi nhỏ			28	19
Nội dung cụ thể	Nghe và chọn đáp án phù hợp		10 x 3 = 30	10 x 4 = 40
	Nghe và phán đoán đúng sai		6 x 3 = 18	5 x 5 = 25
	Nghe và trả lời câu hỏi		5 x 4 = 20	4 ≈ 35 ²
	Nghe và điền chỗ trống		8 x 4 = 32	-
Tổng điểm bài thi			100	100
Dạng câu hỏi	Trắc nghiệm khách quan		24/28 = 85,71%	15/19 = 78,84%
	Trắc nghiệm bán khách quan		4/28 = 14,28%	4/19 = 21,05%

Bảng 5. Cấu trúc bài thi Nghe SC2

K1	Nội dung	Đặc điểm	SL câu hỏi	Thời gian thi
		Nghe chọn đáp án phù hợp	Nghe hai câu đối thoại đơn giản rồi trả lời một câu hỏi theo hình thức chọn một đáp án phù hợp.	10
	Nghe phán đoán đúng sai	Nghe một đoạn hội thoại, phán đoán đúng sai theo hình thức đánh dấu (✓; ✗)	05	
	Nghe trả lời câu hỏi	Nghe một đoạn hội thoại, trả lời câu hỏi	03	
K2	Nội dung	Đặc điểm	SL câu hỏi	Thời gian thi
	Nghe chọn đáp án phù hợp	Nghe hai câu đối thoại đơn giản, trả lời một câu hỏi theo hình thức chọn một đáp án phù hợp.	10	30 phút; Đĩa nghe được bật sau khi thí sinh xem đề trước 03 phút; Mỗi nội dung đều được nghe 02 lần; CBCT thu bài khi tiếng nhạc kết thúc.
	Nghe chọn đáp án phù hợp	Nghe hai câu đối thoại đơn giản, trả lời một câu hỏi theo hình thức chọn một đáp án phù hợp.	06	
	Nghe điền chỗ trống	Nghe một đoạn văn, điền chỗ trống	04	
Nghe trả lời câu hỏi	Nghe một đoạn văn, trả lời câu hỏi điền chỗ trống	03		

Bảng 6. Tổng hợp cấu trúc bài thi Nghe SC2

Cấu trúc	Bài thi	Số câu x điểm	
		K1	K2
Thời gian		25 phút	30 phút
Nội dung lớn		03	04
Câu hỏi nhỏ		18	23

¹ Trên bài thi không ghi thời gian thi.

² Nội dung Nghe trả lời câu hỏi của bài thi Nghe CS1 K2 có 04 câu với tổng điểm là 35, câu thứ nhất có hai ý tương ứng với 14 điểm. 4 35 ở đây thực tế là: (1x14) + (3x7) = 35.

Nội dung cụ thể	Nghe chọn đáp án phù hợp	$10 \times 4 = 40$	$10 \times 3 = 30$ $6 \times 4 = 24$
	Nghe phán đoán đúng sai	$5 \times 5 = 25$	-
	Nghe trả lời câu hỏi	$3 \approx 35^4$	$4 \times 4 = 16$
	Nghe điền chỗ trống	-	$3 \times 10 = 30$
Tổng điểm bài thi		100	100
Dạng câu hỏi	Trắc nghiệm khách quan	$15/18 = 83,33\%$	$20/23 = 86,95\%$
	Trắc nghiệm bán chủ quan	$3/18 = 16,66\%$	$3/23 = 13,04\%$

Từ Bảng thống kê 4 và 6 có thể thấy cấu trúc các bài thi Nghe giai đoạn sơ cấp được khảo sát lần này chủ yếu đều gồm các nội dung quen thuộc: Nghe và chọn đáp án phù hợp, Nghe và phán đoán đúng sai, Nghe và trả lời câu hỏi và Nghe điền chỗ trống, trong đó Nghe chọn đáp án đúng và Nghe trả lời câu hỏi là hai nội dung xuất hiện trong cả 04 bài thi khảo sát lần này. Biểu điểm cho mỗi nội dung thi có sự thay đổi với mỗi bài thi. Thời gian làm bài (trên bài thi) là 20-27 phút⁵ đối với Nghe SC1 và từ 25-30 phút với Nghe SC2. Tỷ lệ giữa các câu hỏi trắc nghiệm bán chủ quan và trắc nghiệm khách quan có sự chênh lệch lớn, khoảng 1/4-1/6, chúng tôi cho rằng điều này là phù hợp với một bài thi nghe giai đoạn sơ cấp với mục đích chính là đánh giá năng lực nghe hiểu các câu đơn, đoạn hội thoại hoặc đoạn văn; nghe và ghi nhớ thông tin chính; phán đoán được chính xác hàm ý của những nội dung được nghe.

Thông qua các câu hỏi trong bài thi chúng tôi nhận thấy: Nội dung thi hoàn toàn không trùng lặp với giáo trình (không sử dụng những bài nghe đã luyện tập trong quá trình dạy-học); chủ đề xuất hiện trong các bài thi tương ứng với chủ đề dạy-học trên lớp, như sức khỏe, giao thông, mua sắm, nghề nghiệp, thời gian, âm

thực; từ điền vào chỗ trống đều là những từ ngữ thông dụng (cấp độ A trong Đại cương từ vựng tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài).

Đề bài, yêu cầu/ câu mệnh lệnh của từng nội dung thi của bài thi Nghe SC1 đều dùng tiếng Việt, Nghe SC2 đều dùng tiếng Trung Quốc, chuẩn xác, rõ ràng, ngắn gọn. Trước mỗi phần thi không có phần ví dụ minh họa cách làm/ cách trả lời. Chúng tôi cho rằng như vậy là hợp lý bởi các dạng câu hỏi xuất hiện trong bài thi đều là những dạng quen thuộc, được luyện tập nhiều trong quá trình dạy-học trên lớp.

Trên hai bài thi K1 đều không ghi biểu điểm cho từng nội dung thi, hai bài thi K2 có ghi. Điều này chứng tỏ có sự thay đổi tích cực, năm sau hoàn thiện hơn năm trước. Theo chúng tôi, bài thi nên có điểm số của từng phần thi hoặc điểm của từng câu để thể hiện trọng tâm hoặc yêu cầu khác nhau với mỗi phần, như vậy cũng giúp người học có cơ sở dự đoán được kết quả bài làm của mình.

Đáp án của các bài thi chính xác, chi tiết, cụ thể, đặc biệt là với phần trả lời câu hỏi, đáp án đưa ra đầy đủ các trường hợp có thể phát sinh trong thực tế, ví dụ trả lời câu hỏi bằng cách biểu đạt mới (không hoàn toàn sử dụng những từ ngữ, câu chữ nghe được trong bài); hay trong phần điền chỗ trống có thể dùng chữ phiên âm thay cho chữ Hán (nếu dùng đúng được ½ điểm).

Theo chúng tôi, nhìn trên phương diện nội dung thi (có tính phổ quát đối với nội dung đã được dạy-học trên lớp), hình thức thi (tổ chức thi tập trung trên lớp: giám thị cho thí sinh nghe và thực hiện các yêu cầu theo mệnh lệnh

⁴ Nội dung Nghe trả lời câu hỏi của bài thi Nghe CS2 K1 có 03 câu với tổng điểm là 35, câu thứ hai có ba ý tương ứng với 21 điểm, 3×35 ở đây thực tế là: $(1 \times 7) + (1 \times 21) + (1 \times 7) = 35$.

⁵ Thực tế bài thi Nghe CS1 K1 không ghi thời gian, qua tìm hiểu chúng tôi được biết bài thi này có thời gian là 27 phút.

của đĩa ghi âm), các dạng câu hỏi được lựa chọn trong bài thi của các bài thi được khảo sát lần này là khả thi và phù hợp để đánh giá sự tiến bộ của người học trong quá trình học kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở sau mỗi kỳ học.

4.2. Kết quả thống kê độ khó dễ

Sử dụng phần mềm SPSS và Excel giúp chúng tôi có được các kết quả về chỉ số độ khó dễ các bài thi, dưới đây là các bảng thống kê:

Bảng 7. Bảng thống kê chỉ số độ khó dễ bài thi Nghe SC1 K1

Các câu hỏi trong bài thi	TS	Điểm TB	Số hs trả lời đúng	Chỉ số độ khó dễ
Nghe chọn đáp an dung 1	163	0,61	33	0,20
Nghe chọn đáp an dung 2	163	1,55	84	0,52
Nghe chọn đáp an dung 3	163	2,28	124	0,76
Nghe chọn đáp an dung 4	163	2,28	124	0,76
Nghe chọn đáp an dung 5	163	2,02	110	0,67
Nghe chọn đáp an dung 6	163	1,77	96	0,59
Nghe chọn đáp an dung 7	163	0,90	49	0,30
Nghe chọn đáp an dung 8	163	2,48	135	0,83
Nghe chọn đáp an dung 9	163	2,28	124	0,76
Nghe chọn đáp an dung 10	163	1,86	101	0,62
Nghe phán đoán dung sai 11	163	1,21	66	0,40
Nghe phán đoán dung sai 12	163	2,47	134	0,82
Nghe phán đoán dung sai 13	163	1,99	108	0,66
Nghe phán đoán dung sai 14	163	1,73	94	0,58
Nghe phán đoán dung sai 15	163	1,93	105	0,64
Nghe phán đoán dung sai 16	163	1,18	64	0,39
Nghe tra loi cau hoi 17	163	3,65		0,73
Nghe tra loi cau hoi 18	163	4,06		0,81
Nghe tra loi cau hoi 19	163	2,37		0,47
Nghe tra loi cau hoi 20	163	1,62		0,32
Nghe dien trong 22 ⁶	163	1,33		0,33
Nghe dien trong 23	163	3,00		0,75
Nghe dien trong 24	163	2,96		0,74
Nghe dien trong 25	163	2,07		0,52
Nghe dien trong 26	163	2,91		0,73
Nghe dien trong 27	163	3,58		0,90
Nghe dien trong 28	163	1,66		0,42
Nghe dien trong 29	163	2,21		0,55
Diem TB bai thi	163		60,03	

Bảng 7 cho thấy số lượng chỉ số độ khó của các câu trong bài thi Nghe SC1 K1 như sau: rất khó: 01 câu (3,57%); khó: 05 câu (17,87%); độ khó trung bình: 07 câu (25%); dễ: 11 câu (39,28%); rất dễ: 04 câu (14,28%),

điểm trung bình bài thi là 60,03.

⁶ Trong Bảng 7 không có câu 21 theo thứ tự các câu hỏi trong bài thi vì câu 21 dành cho người học lớp chất lượng cao.

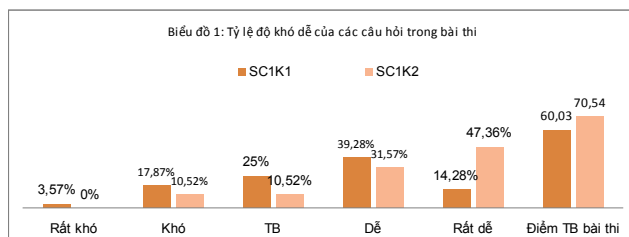
Bảng 8. Bảng thống kê chỉ số độ khó dễ bài thi Nghe SC1 K2

Các câu hỏi trong bài thi	TS	Điểm TB	Số hs trả lời đúng	Chỉ số độ khó dễ
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 1	115	3,27	94	0,82
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 2	115	3,83	110	0,96
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 3	115	3,65	105	0,91
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 4	115	3,90	112	0,98
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 5	115	3,10	89	0,78
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 6	115	3,90	112	0,98
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 7	115	2,82	81	0,71
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 8	115	2,99	85	0,75
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 9	115	3,20	92	0,80
Nghe hỏi thoại chọn đáp an dung 10	115	3,51	102	0,88
Nghe phán đoán dung sai 11	115	3,78	87	0,76
Nghe phán đoán dung sai 12	115	3,00	69	0,60
Nghe phán đoán dung sai 13	115	4,78	110	0,96
Nghe phán đoán dung sai 14	115	2,00	46	0,40
Nghe phán đoán dung sai 15	115	4,78	110	0,96
Nghe trả lời câu hỏi 16	115	3,83		0,27
Nghe trả lời câu hỏi 17	115	5,69		0,81
Nghe trả lời câu hỏi 18	115	3,43		0,49
Nghe trả lời câu hỏi 19	115	5,01		0,72
Điểm TB bài thi	115		70,54	

Bảng 8 cho thấy các câu hỏi có độ khó trong bài thi SC1K2 là 02 (10,52%); độ khó trung bình cũng là 02 (10,52%); dễ là 06 (31,57%); rất dễ là 09 (47,36%), không có câu

nào có chỉ số dưới 0,2 rất khó, điểm trung bình bài thi là 70,54.

Biểu đồ 1 sau đây thể hiện tỷ lệ độ khó dễ của các câu hỏi trong bài thi Nghe SC1:



Biểu đồ 1 trên cho thấy tỷ lệ giữa các câu rất khó với rất dễ; khó với dễ trong bài thi Nghe SC1 khảo sát lần này là không cân đối, số lượng câu khó và rất khó bằng khoảng 1/3 số lượng câu dễ và rất dễ.

Bảng 9. Bảng thống kê chỉ số độ khó dễ bài thi Nghe SC2 K1

Các câu hỏi trong bài thi	TS	Điểm TB	Số hs trả lời đúng	Chỉ số độ khó dễ
Nghe chọn đáp an dung 1	171	2,95	126	0,74
Nghe chọn đáp an dung 2	171	3,72	159	0,93
Nghe chọn đáp an dung 3	171	2,48	105	0,62
Nghe chọn đáp an dung 4	171	3,65	157	0,91
Nghe chọn đáp an dung 5	171	3,79	162	0,95
Nghe chọn đáp an dung 6	171	3,63	155	0,91

Nghe chọn đáp an đúng 7	171	2,76	118	0,69
Nghe chọn đáp an đúng 8	171	2,13	90	0,53
Nghe chọn đáp an đúng 9	171	3,65	157	0,91
Nghe chọn đáp an đúng 10	171	1,03	45	0,26
Nghe phân đoạn đúng sai 11	171	2,49	85	0,50
Nghe phân đoạn đúng sai 12	171	4,71	161	0,94
Nghe phân đoạn đúng sai 13	171	4,88	167	0,98
Nghe phân đoạn đúng sai 14	171	4,85	166	0,97
Nghe phân đoạn đúng sai 15	171	4,39	150	0,88
Nghe đoạn văn trả lời câu hỏi 16	171	4,67		0,67
Nghe đoạn văn trả lời câu hỏi 17	171	7,95		0,38
Nghe đoạn văn trả lời câu hỏi 18	171	4,63		0,66
Điểm TB bài thi	171		68,33	

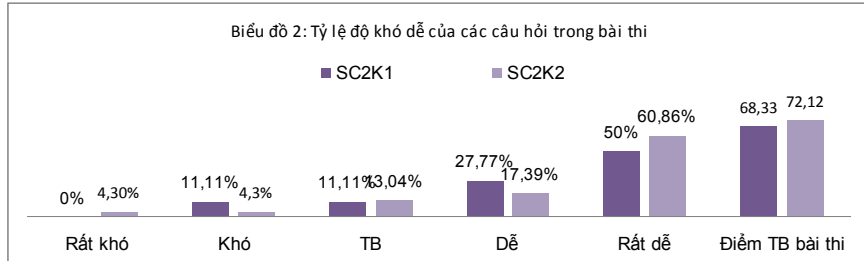
Bảng 9 cho thấy trong bài thi Nghe SC2K1 không có câu nào có chỉ số ở mức độ rất khó, số câu hỏi khó là 02 (11,11%); độ khó trung bình cũng là 02 (11,11%); dễ là 05 (27,77%); rất dễ là 09 (50%), điểm trung bình bài thi là 68,33.

Bảng 10. Bảng thống kê chỉ số độ khó dễ bài thi Nghe SC2 K2

Các câu hỏi trong bài thi	TS	Điểm TB	Số hs trả lời đúng	Chỉ số độ khó dễ
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 1	118	2,72	107	0,91
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 2	118	2,69	106	0,90
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 3	118	2,97	117	0,99
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 4	118	1,88	74	0,63
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 5	118	2,49	98	0,83
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 6	118	2,90	114	0,97
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 7	118	2,47	97	0,82
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 8	118	0,61	24	0,20
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 9	118	1,50	59	0,50
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 10	118	1,81	71	0,60
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 11	118	3,66	108	0,92
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 12	118	3,86	114	0,97
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 13	118	3,29	97	0,82
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 14	118	3,90	115	0,98
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 15	118	3,80	112	0,95
Nghe hỏi thoại chọn đáp an đúng 16	118	3,69	109	0,92
Nghe đoạn văn diễn trong 17	118	3,47		0,87
Nghe đoạn văn diễn trong 18	118	3,32		0,83
Nghe đoạn văn diễn trong 19	118	2,31		0,58
Nghe đoạn văn diễn trong 20	118	2,69		0,67
Nghe đoạn văn trả lời câu hỏi 21	118	2,85		0,29
Nghe đoạn văn trả lời câu hỏi 22	118	6,23		0,62
Nghe đoạn văn trả lời câu hỏi 23	118	6,81		0,68
Điểm TB bài thi	118		72,12	

Bảng 10 cho thấy trong bài thi Nghe SC2 K2, ở mức độ rất khó có 01 câu (4,3%); mức độ khó có 01 câu (4,3%); độ khó trung bình có 03 câu (13,04%); mức độ dễ có 04 câu (17,39%); mức độ rất dễ có 14 câu (60,86%, điểm trung bình bài thi là 72,12.

Biểu đồ 2 dưới đây thể hiện tỷ lệ độ khó dễ của các câu hỏi trong bài thi Nghe SC2.



Biểu đồ 2 trên cho thấy tỷ lệ giữa các câu rất khó với rất dễ, khó với dễ trong bài thi Nghe SC2 khảo sát lần này là không cân đối, số lượng câu khó và rất khó bằng khoảng 1/5 số lượng câu dễ và rất dễ. Số lượng câu rất dễ chiếm từ trên một nửa tổng số câu hỏi trong bài thi. Về lý thuyết, trong một bài thi có tỷ lệ số câu dễ và rất dễ quá cao (trên 50%) có thể sẽ dẫn đến tình huống người học giỏi và kém đều có thể trả lời đúng, vì thế có thể ảnh hưởng đến độ phân loại của bài thi.

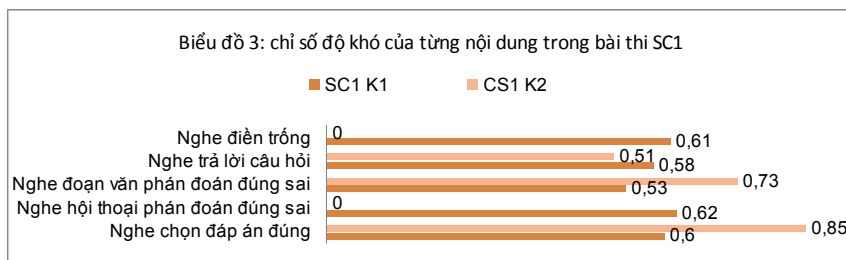
Quan sát các biểu đồ trên, dễ dàng nhận thấy tỷ lệ các câu có độ dễ và rất dễ trong các bài thi

được khảo sát lần này đều cao, chiếm trên 50%, các câu có độ khó trung bình chỉ chiếm khoảng từ 10-15%. Điểm trung bình của bài thi Nghe SC1K1, Nghe SC1K2, Nghe SC2K1 và Nghe SC2K2 được khảo sát thống kê lần này (tính theo thang điểm 100) lần lượt là: 60,3; 70,54; 68,33 và 72,12. Tỷ lệ người học đạt điểm trên 40 lần lượt như sau: 82,83%; 97,4%; 94,8%; 96,62%, tỷ lệ như vậy quả là rất cao.

Tiếp theo, sau đây chúng tôi thống kê chỉ số độ khó trung bình của từng nội dung trong bài thi, tìm hiểu xem nội dung nào là nội dung khó với đa số người học.

Bảng 11. Bảng thống kê điểm trung bình, chỉ số độ khó dễ của từng nội dung thi và bài thi Nghe SC1

Nội dung thi	Điểm TB/Điểm tối đa		TB chỉ số độ khó dễ	
	K1	K2	K1	K2
Nghe chọn đáp án đúng	18,03/30	34,15/40	0,60	0,85
Nghe hội thoại phán đoán đúng sai	5,66/9	-	0,62	-
Nghe đoạn văn phán đoán đúng sai	4,84/9	18,34/25	0,53	0,73
Nghe trả lời câu hỏi	11,69/20	17,94/35	0,58	0,51
Nghe điền trống	19,71/30	-	0,61	-



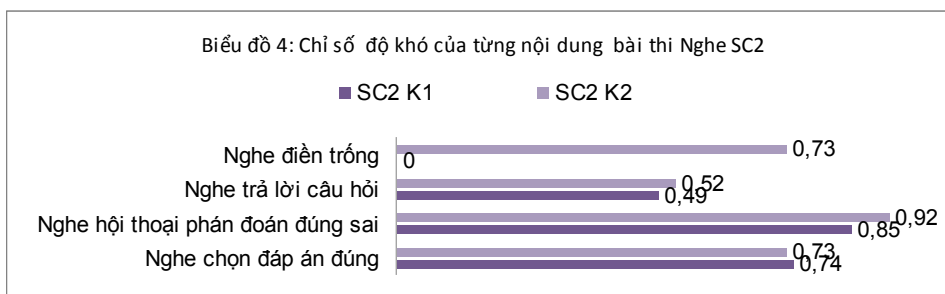
Bảng 7 và Biểu đồ 3 cho thấy, trong 05 nội dung của bài Nghe SC1, Nghe trả lời câu hỏi là một trong những nội dung có chỉ số độ khó cao nhất, cũng có nghĩa là nhiều người học gặp khó khăn khi làm nội dung này.

Điều này có thể hiểu được vì so với các nội dung khác, trong khi Nghe và trả lời câu hỏi, ngoài yêu cầu nghe hiểu ra, người học còn phải ghi câu trả lời vào bài. Thực tế dạy-học cho thấy dùng chữ Hán để trả lời câu hỏi trong bài nghe là một thử thách lớn với phần lớn người học giai đoạn sơ cấp, vì vừa phải nhận biết âm, hiểu nghĩa, hình dung ra chữ Hán tương ứng và còn phải viết được. Hơn

nữa, trong trường hợp thông tin cần trả lời không có trực tiếp từ nội dung nghe thì yêu cầu người học phải diễn đạt lại dựa vào những thông tin nghe được. Rõ ràng điều này khó hơn rất nhiều so với điền chỗ trống hay thao tác khoanh tròn vào A/B/C/D hoặc tích ✓/✗. Trong quá trình thống kê, chúng tôi phát hiện thấy trên 90% bài thi dùng chữ phiên âm để điền trống (ít nhất có 1/8 ô trống); tuy vậy, nếu dùng đúng phiên âm cũng được ½ điểm. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với cách tính điểm này vì đây là bài thi nghe, trọng tâm kiểm tra là nghe chứ không phải viết.

Bảng 12. Bảng thống kê điểm trung bình, chỉ số độ khó dễ của từng nội dung và bài thi Nghe SC2

Nội dung thi	Điểm TB/Điểm tối đa		TB chỉ số độ khó dễ	
	K1	K2	K1	K2
Nghe chọn đáp án đúng	29,77/40	22,04/30	0,74	0,73
Nghe hội thoại phán đoán đúng sai	21,31/25	22,20/24	0,85	0,92
Nghe trả lời câu hỏi	17,25/35	15,88/30	0,49	0,52
Nghe điền chỗ trống	-	11,78/16	-	0,73



Bảng 12 và Biểu đồ 4 cho thấy trong 04 nội dung của bài Nghe SC2, Nghe trả lời câu hỏi cũng là một trong những nội dung có chỉ số độ khó cao nhất. Chỉ với thao tác đơn giản tích ✓/✗, Nghe hội thoại phán đoán đúng sai là nội dung có chỉ số độ dễ cao hơn.

4.3. Kết quả thống kê độ phân loại

Bảng thống kê 13 dưới đây thể hiện sự khác biệt về điểm số bài Nghe SC1K1 giữa nhóm Kém (gồm 42/171 người học có điểm thấp thuộc tập cuối) và nhóm Giỏi (gồm 42/171 người học có điểm cao thuộc tập đầu).

Bảng 13. Thống kê điểm TB từng nội dung thi giữa hai nhóm Kém – Giỏi bài thi Nghe SC1 K1

Nội dung	Điểm số	Điểm thấp nhất		Điểm cao nhất		Điểm TB	
		Kém	Giỏi	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi
Nghe chọn đáp án đúng		6	18	21	30	12,57	24,64

Nghe hội thoại phán đoán đúng sai	0	3	9	9	3,92	7,64
Nghe đoạn văn phán đoán đúng sai	0	3	9	9	3,64	7,42
Nghe trả lời câu hỏi	0	10	15	20	5,28	16,85
Nghe điền chỗ trống	0	16	24	32	10,42	27,38
Điểm bài thi	17	72	47	100	36	83,92

Bảng 14 dưới đây thể hiện sự khác biệt về điểm số bài thi Nghe SC1K2 giữa nhóm Kém (gồm 29/115 người học có điểm thấp thuộc

tốp cuối) và nhóm Giỏi (gồm 29/115 người học có điểm cao thuộc tốp đầu):

Bảng 14. Thống kê điểm TB từng nội dung thi giữa hai nhóm Kém – Giỏi bài thi Nghe SC1K2

Nội dung	Điểm số		Điểm thấp nhất		Điểm cao nhất		Điểm TB	
	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi
Nghe chọn đáp án đúng	2	32	36	40	29,14	37,65		
Nghe hội thoại phán đoán đúng sai	5	10	25	25	14,46	21,55		
Nghe trả lời câu hỏi	0	21	21	30	5,5	30,65		
Điểm bài thi	38	84	58	99	49,35	89,86		

Bảng thống kê 15 dưới đây thể hiện sự khác biệt về điểm số bài Nghe SC2K1 giữa nhóm Kém (gồm 44/171 người học có điểm

thấp thuộc tốp đầu) và nhóm Giỏi (gồm 43/171 người học có điểm cao thuộc tốp đầu):

Bảng 15. Thống kê điểm TB từng nội dung thi giữa hai nhóm Kém – Giỏi bài thi Nghe SC2K1

Nội dung	Điểm số		Điểm thấp nhất		Điểm cao nhất		Điểm TB	
	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi
Nghe chọn đáp án đúng	8	24	32	40	24,18	33,95		
Nghe hội thoại phán đoán đúng sai	5	15	25	25	18,63	23,72		
Nghe trả lời câu hỏi	0	19	15	35	5,20	28,58		
Điểm bài thi	18	78	59	100	48,02	86,25		

Bảng thống kê 16 dưới đây thể hiện sự khác biệt về điểm số bài Nghe SC2K2 giữa nhóm Kém (gồm 31/118 người học có điểm

thấp thuộc tốp cuối) và nhóm Giỏi (gồm 33/118 người học có điểm cao thuộc tốp đầu):

Bảng 16. Thống kê điểm TB từng nội dung thi giữa hai nhóm Kém – Giỏi bài thi Nghe SC2K2

Nội dung	Điểm số		Điểm thấp nhất		Điểm cao nhất		Điểm TB	
	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi	Kém	Giỏi
Nghe chọn đáp án đúng	6	21,00	27	30,00	16,64	26,54		
Nghe hội thoại phán đoán đúng sai	8	20,00	24	24,00	19,35	23,75		
Nghe đoạn văn điền chỗ trống	0	8,00	16	16,00	8,09	14,48		
Nghe trả lời câu hỏi	0	15,00	20	30,00	8,22	23,78		
Điểm bài thi	24	82,00	62	100,00	52,54	88,57		

Bảng 13, 14, 15 và 16 trên cho thấy sự khác biệt về điểm số từng nội dung thi và điểm bài thi giữa nhóm có thành tích cao và thấp của 04 bài thi khảo sát lần này; chỉ số độ phân loại của các bài thi Nghe SC1 K1, Nghe SC1 K2, Nghe SC2 K1 và Nghe SC2 K2 lần lượt như sau: 2,33; 1,82; 1,79 và 1,68 đều $> 0,2 > 0,2$ rất nhiều, điều này chứng tỏ các bài thi đều có khả năng phân loại trình độ người học, trong đó bài thi Nghe SC1 K1 có chỉ số độ phân loại cao nhất, thấp nhất là bài Nghe SC2 K2.

4.4. Kết quả thống kê các phương án lựa chọn của các câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Thực tế cho thấy, với mục đích kiểm tra khả năng nghe hiểu, nghe nắm bắt nội dung chính, hiểu thông tin chính của câu đơn, hoặc đoạn hội thoại đơn giản thì các bài thi Nghe giai đoạn sơ cấp thường sử dụng các hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Tất cả các bài thi Nghe của lần khảo sát này đều xuất hiện dạng câu

trắc nghiệm khách quan phổ biến nhất - Nghe chọn đáp án đúng, yêu cầu thí sinh nghe một câu văn ngắn/một đoạn hội thoại đơn giản, trả lời một câu hỏi theo hình thức chọn một đáp án đúng duy nhất trong số các phương án lựa chọn có sẵn. Trong hình thức này các phương án lựa chọn (trừ đáp án) đều có tác dụng gây nhiễu. Theo lý thuyết, một phương án có độ nhiễu cao là phương án khiến nhiều thí sinh lầm tưởng đó là đáp án. Theo một số số liệu thống kê trước đây (tài liệu TOCFL, 2016), độ nhiễu của các phương án lựa chọn có ảnh hưởng nhất định đến độ phân loại của bài thi. Phần mềm SPSS cho phép thống kê được số lượt chọn đáp án và các phương án lựa chọn, giúp chúng ta có thể tìm hiểu về độ nhiễu của các phương án lựa chọn và kiểm định mối tương quan với chỉ số độ phân loại. Bảng 17 dưới đây thống kê số lần chọn đáp án và các phương án lựa chọn của từng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong 04 bài thi khảo sát lần này. Chữ và số in đậm thể hiện đáp án đúng.

Bảng 17. Thống kê lượt chọn các phương án lựa chọn của phần Nghe chọn đáp án đúng

STT	Nghe SC1 K1		Nghe SC1 K2		Nghe SC2 K1		Nghe SC2 K2		Ghi chú
	Phương án lựa chọn	Số lần chọn	Phương án lựa chọn	Số lần chọn	Phương án lựa chọn	Số lần chọn	Phương án lựa chọn	Số lần chọn	
1	A	95	A	11	A	11	A	9	
	B	3	B	94	B	2	B	1	
	C	35	C	5	C	126	C	9	
	D	29	D	5	D	33	D	107	
2	B	7	B	2	B	3	B	6	
	C	45	C	110	C	6	C	106	
	A	84	A	0	A	159	A	4	
	D	25	D	3	D	3	D	2	
3	A	19	A	5	A	2	A	0	
	B	15	B	105	B	105	B	0	
	C	124	C	3	C	3	C	1	
	D	5	D	2	D	61	D	117	
4	A	4	A	0	A	2	A	0	
	B	15	B	112	B	5	B	33	
	D	124	D	0	D	157	D	74	
	C	20	C	3	C	6	C	11	

5	A	15	<i>A</i>	89	A	5	A	7
	B	9	B	19	B	3	B	98
	C	110	C	1	C	162	C	4
	D	29	D	4	D	1	D	9
6	B	37	B	0	B	2	B	0
	C	11	C	1	C	155	C	0
	A	97	A	1	A	8	A	114
	D	18	D	112	D	5	D	4
7	B	48	B	23	B	6	B	97
	C	34	C	81	C	8	C	12
	A	48	A	6	A	36	A	5
	D	33	D	4	D	118	D	4
8	A	4	A	12	A	20	A	24
	C	12	C	10	C	16	C	25
	B	137	B	85	B	44	B	68
	D	10	D	6	D	90	D	1
9	A	5	A	12	A	3	A	15
	B	7	B	3	B	1	B	11
	D	124	D	92	D	9	D	59
	C	26	C	8	C	157	C	33
10	A	13	A	7	A	4	A	9
	C	27	C	102	C	23	C	30
	B	102	B	6	B	45	B	8
	D	20	D	0	D	97	D	71
11							A	2
							B	1
							C	108
							D	7
12							B	114
							C	0
							A	2
13							D	2
							A	8
							B	5
							C	97
14							D	8
							A	0
							B	2
							D	115
15							C	1
							A	1
							B	112
							C	0
16							D	4
							B	1
							C	109
							A	3
16							A	3
							D	3

Bảng 17 cho thấy có 13 câu (ô bôi đậm) trên tổng số 56 câu hỏi trắc nghiệm khách quan

của 04 đề thi được khảo sát lần này chứa một số phương án lựa chọn không được bất kỳ thí

sinh nào (dù thuộc nhóm giỏi hoặc kém) lựa chọn. Đây trước hết có thể là những phương án không có tác dụng gây nhiễu hoặc có độ gây nhiễu = 0 (đọc là loại bỏ được luôn vì hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi / nội dung được nghe...), cũng có thể là những phương án thí sinh chọn một cách ngẫu nhiên (do không có cơ sở, chọn bừa), cũng có thể là nhìn bài rồi khoanh ... nhưng lại vô tình trùng hợp cùng một phương án. Tuy vậy đối chiếu với kết quả thống kê chỉ số độ khó dễ của các câu thuộc nhóm 13 câu thi ngoại trừ câu 4 trong bài thi Nghe SC2 K2 có chỉ số độ khó dễ là 0,63 (bên cạnh phương án lựa chọn A không có tác dụng gây nhiễu thì phương án B và C đều phát huy được tác dụng nhiễu, dẫn đến chỉ số độ khó dễ của câu này ở mức thấp hơn), tất cả các câu còn lại đều có chỉ số độ khó dễ $\gg 0,88$.

5. Nhận xét và trao đổi

Thông qua việc thống kê phân tích điểm của 278 bài thi Nghe SC1 và 289 bài thi Nghe SC2 trong lần khảo sát này, chúng tôi đưa ra một số nhận xét và ý kiến trao đổi dưới đây:

- Nhìn trên phương diện cấu trúc bài thi, nội dung thi, hình thức tổ chức thi và các dạng câu hỏi trong các bài thi, chúng tôi cho rằng 04 đề thi được khảo sát lần này là phù hợp để đánh giá năng lực Nghe của người học trong giai đoạn sơ cấp sau mỗi kỳ học, đánh giá được mức độ hiểu các nội dung và nắm vững các kỹ năng đã được dạy-học trên lớp của người học.

- Các bài thi đều có chỉ số độ phân loại cao, có khả năng phân loại được trình độ cao thấp của người học.

- Nghe trả lời câu hỏi là nội dung đa phần người học đạt điểm thấp nhất trong các nội dung thi.

- Tỷ lệ giữa các câu khó dễ trong các bài thi chưa thật sự cân đối, các câu dễ và rất dễ có tỷ lệ cao hơn các câu khó và rất khó từ 3-5 lần. Bài thi Nghe SC1 K1 có 17,17% người học

đạt điểm dưới 4/10, các bài thi còn lại SC1 K2, SC2 K1 và SC2 K2 tỷ lệ này đều là rất nhỏ, dưới 5,5%. Tỷ lệ đạt trên điểm 6/10 của tất cả các bài thi là đều trên 50%, tỷ lệ này ở các bài thi Nghe SC1K2, Nghe SC2K1 và Nghe SC2K2 đều trên 73%.

- Mức độ gây nhiễu của các phương án lựa chọn trong các câu hỏi trắc nghiệm khách quan của bài thi tỷ lệ thuận với chỉ số độ khó dễ và ít nhiều ảnh hưởng đến mức độ khó dễ của bài thi.

Kết quả khảo sát thống kê lần này cũng cho thấy đa số người học của 02 khóa K1 và K2 đều đạt yêu cầu về kỹ năng Nghe SC1 và SC2, riêng có bài thi Nghe SC1 K1 thì tỷ lệ trên điểm 4/10 là 17,17%, ít hơn so với các bài thi còn lại (khoảng 83%). Điều này về cơ bản là phù hợp với mục tiêu của một bài thi hết học phần, yêu cầu người học nắm và có được những nội dung, kỹ năng cơ bản đã được dạy trên lớp. Kết quả thi cũng thể hiện hiệu quả dạy-học kỹ năng Nghe giai đoạn sơ cấp của cơ sở được điều tra. Kết quả khảo sát lần này cũng xác minh thêm mức độ phù hợp của các giáo trình, tính hiệu quả của phương pháp dạy-học hiện đang được áp dụng trên lớp.

Thực tế cho thấy kiểm tra đánh giá là một vấn đề mang tính thực hành cao, soạn đề kiểm tra, ra đề thi trong quá trình dạy-học cũng là một hoạt động rất quen thuộc của thầy cô giáo. Tuy nhiên, Nghe là một kỹ năng có nhiều đặc thù, soạn ra một đề thi Nghe chất lượng (kiểm tra được những kỹ năng cần kiểm tra, phân loại được trình độ của người học, đảm bảo được tính khả thi cho công tác trông thi và chấm thi) người/ nhóm biên soạn có thể lưu ý thêm một số điểm sau:

Xác định rõ mục đích yêu cầu của bài thi này rất quan trọng (“Nghe hiểu đúng ngữ điệu các câu đơn, đoạn hội thoại hoặc đoạn văn; Biết cách nghe và ghi lại thông tin về các chủ

đề liên quan đến nội dung học một cách chuẩn xác; Biết phán đoán, nắm bắt thông tin nghe được và phản ứng nhanh nhạy trong những tình huống giao tiếp xã hội thường gặp” (Đề cương môn học SC2)), trên cơ sở đó lựa chọn những dạng thức câu hỏi phù hợp. Qua lần khảo sát này chúng tôi nhận thấy các bài thi Nghe giai đoạn sơ cấp chủ yếu sử dụng một số dạng câu hỏi thông dụng để đánh giá năng lực nghe hiểu nội dung một câu đơn, nắm được thông tin chính của một đoạn hội thoại đơn giản (1-2 lần hỏi đáp) hoặc đại ý một đoạn văn như Nghe chọn đáp án đúng, Nghe phán đoán đúng sai, Nghe trả lời câu hỏi (dựa vào những thông tin đã nghe được trả lời câu hỏi thông qua hình thức điền đạt viết) và Nghe điền chỗ trống (dùng chữ Hán điền từ nghe được vào chỗ trống). Nghe trả lời câu hỏi cũng là phần người học thường được điểm thấp nhất, vì ngoài việc nghe hiểu, nhớ các thông tin ra thì còn phải viết (nếu có thể dùng từ ngữ có sẵn trong nội dung nghe) hoặc điền đạt (khi cần phải tóm lược hoặc suy luận các thông tin nghe được) nên độ khó càng cao. Trong quá trình khảo sát các bài thi, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều trường hợp người học dùng chữ phiên âm để trả lời câu hỏi hoặc điền chỗ trống. Điều này rất dễ hiểu vì chữ Hán, chữ tượng hình, không có sự tương quan trực tiếp giữa âm (cách đọc) và hình (chữ viết) là một trong những trở ngại đối với người học, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới tiếp xúc, cùng một lúc phải nhớ mặt chữ, âm đọc, nghĩa và cả cách viết. Chính vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi, trong giai đoạn sơ cấp, với trọng tâm kiểm tra kỹ năng nghe hiểu, hình thức Nghe trả lời câu hỏi phù hợp để luyện tập trên lớp hơn (có thể kết hợp nghe – nói để luyện ngữ âm, khả năng biểu đạt khẩu ngữ hoặc nghe – viết để kết hợp luyện chữ...). So với Nghe trả lời câu hỏi thì Nghe điền chỗ trống có yêu cầu thấp hơn, chỉ cần điền từ nghe được vào chỗ trống. Để có thể “giảm thiểu” áp lực Viết trong quá trình làm bài Nghe của người học, hình thức điền

chỗ trống cũng có thể trình bày dưới dạng chọn đáp án đúng như trong ví dụ sau đây:

Ví dụ 1: Người học sẽ được nghe một câu/ đoạn văn:

“我家附近有个小公园，我在周末时都会跟着爷爷到公园去散步，一大早在那儿的人有_____（许多， đây là từ cần chọn để điền vào ô trống, khoanh vào phương án lựa chọn B) 是中年人或老年人。”

- A. 多半 B. 许多
C. 大多 D. 多少

Trong trường hợp cần kiểm tra khả năng nghe hiểu, nắm thông tin chính kết hợp với chữ viết có thể sử dụng hình thức nghe một đoạn văn ngắn, hoặc một đoạn hội thoại ngắn và điền từ cần điền vào chỗ trống trong một câu mang tính kết luận hoặc tổng kết lại nội dung đã nghe, yêu cầu người học phải biết chọn lọc, suy luận các thông tin nghe được (hình thức này dễ hơn Nghe trả lời câu hỏi, và khó hơn Nghe điền trống).

Ví dụ 2: Người học sẽ được nghe một đoạn đối thoại sau:

女：你女儿到底想学上什么兴趣班？

男：羽毛球。

女：不错啊，能锻炼身体。

男：我不喜欢，我打算让她学习弹钢琴。

女：孩子的兴趣最重要吧，愿意学，才能学得好。

Yêu cầu điền chỗ trống: 女的认为他的女儿该学_____ (羽毛球)。

- Nắm vững tình hình học tập thực tế của người học, tìm nguồn ngữ liệu tương ứng với nội dung các chủ đề đã học, yêu cầu phù hợp về cấp độ từ vựng, tốc độ nói, yêu cầu về ngữ điệu, ngữ khí... với trình độ thực tế của người học. Trên cơ sở đó xác định độ khó dễ và cân đối tỷ lệ các câu khó dễ, lên thang điểm phù hợp với trình độ thực tế của người học. Theo

lý thuyết tỷ lệ các câu khó dễ trong một bài thi đánh giá kết quả học tập sẽ là rất khó (5%); khó (15%); trung bình (60%); dễ (15%); rất dễ (5%) (Zhang Kai, 2002).

- Cân nhắc đến độ gây nhiễu của các phương án lựa chọn trong hình thức trắc nghiệm khách quan sao cho phù hợp với mục đích và yêu cầu kiểm tra, tránh trường hợp có quá nhiều phương án lựa chọn không nhiễu (quá dễ), hoặc độ nhiễu đều lớn (quá khó) có thể sẽ ảnh hưởng đến tính phân loại của bài thi, không phân loại được trình độ của thí sinh.

- Chú ý thiết kế tờ giấy thi hợp lý. Trên bài thi cần ghi đủ các thông tin, môn thi, thời gian làm bài, yêu cầu và biểu điểm của từng phần. Các nội dung trong bài thi nên sắp xếp theo hướng từ dễ đến khó. Chỉ số độ khó dễ như trong bài viết này chỉ có được sau khi thi, vậy, nếu là trước khi thi thì độ khó dễ sẽ thường được quyết định bởi kinh nghiệm và mức độ nắm vững tình hình dạy-học thực tế của người ra đề. Bài thi Nghe SC2K2 được thiết kế theo hình thức Phiếu trả lời, rất thuận tiện cho người làm và người chấm.

- Không nên bỏ qua khâu soát xét lại đề thi (do nhóm biên soạn hoặc người phụ trách chuyên môn phụ trách) để hoàn thiện đề cùng đáp án chuẩn chính thức.

- Ngoài ra cũng cần giám sát việc bảo mật trong quá trình in ấn và bảo quản đề thi; nghiêm khắc khi trông thi và chấm thi nghiêm túc, cộng điểm, vào điểm chính xác đều là những yếu tố góp phần đảm bảo độ tin cậy của kết quả thi.

Liên quan đến vấn đề quản lý, bảo mật bài thi, thời gian và công sức khảo sát thống kê, kết quả thống kê trong bài viết này của chúng tôi còn hạn chế về số lượng. Tuy vậy chúng tôi hy vọng kết quả có được trong lần khảo sát này sẽ cung cấp một số thông tin hữu ích với công tác dạy-học và ra đề thi. Rất mong nhận được ý kiến phê bình đóng góp của các chuyên gia và các bạn đồng nghiệp.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, & Lê Đức Ngọc (2017). *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tô Thị Thu Hương (2010). Cơ sở giáo học pháp của kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ ở trung học phổ thông Việt Nam. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Ngoại ngữ*, 26(4), 262-278.

Tiếng Trung Quốc

- 方绪军 Fang Xujun (2013). *汉语测试与评估*, 复旦大学出版社.
- (Phương Tự Quân. *Kiểm tra và đánh giá tiếng Trung Quốc*. NXB ĐH Phúc Đán.)
- 高旭峰 Gao Xufeng (2012). *HSK (六级) 考试信度和效度的评析*, 湖北经济学院学报01期.
- (Cao Húc Phong. Phân tích độ tin cậy và độ giá trị kỳ thi trình độ tiếng Trung Quốc HSK 6. *Tạp san kỳ 1 Học viện Kinh tế Hồ Bắc*.)
- 葛福东 Ge Fudong (2006). *语言测试的信度、效度与题型关系的研究*, 内蒙古农业大学学报 04期.
- (Cát Phúc Đông. Mối quan hệ giữa các dạng câu hỏi và độ tin cậy, độ giá trị trong một đề thi. *Tạp san kỳ 4 Đại học Nông nghiệp Nội Mông Cổ*.)
- 何勇斌 He Yongbin (2005) *听力测试的构想效度及其实现*, 外语教学03期.
- (Hà Dũng Bản. Quan niệm về độ giá trị của một đề thi nghe và cách thực hiện nó. *Tạp chí Dạy học Ngoại ngữ kỳ 4*.)
- 刘润清 Liu Runqing (2000) *语言测试和它的方法*, 外语教学与研究出版社.
- (Luu Nhuận Thanh. *Kiểm tra ngôn ngữ và phương pháp kiểm tra ngôn ngữ*, NXB Dạy học và nghiên cứu ngoại ngữ.)
- 刘忠见 Liu Zhongjian (2002) *语言测试的信度与效度*, 高等教育01期.
- (Luu Trung Kiến. Độ tin cậy và độ giá trị trong kiểm tra ngôn ngữ. *Tạp chí Giáo dục Đại học, kỳ 1*.)
- 屠煜 Tu Yu (2014) *浅析汉语成绩的信度与效度*, 课程教育研究2月.
- (Đồ Dục. Phân tích độ tin cậy và độ giá trị của đề thi đánh giá thành tích học tập tiếng Trung Quốc. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục tháng 2*.)
- 王佶旻 Wang Jimin (2010) *语言测试概论*, 北京语言大学出版社.
- (Vương Cát Mân. *Khát quát về kiểm tra ngôn ngữ*. NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh.)
- 杨惠中、桂诗春 Yang Huizhong, Gui Shichun (2007) *语言测试的社会学思考*, 现代外语第4期.

(Dương Huệ Trung, Quế Thi Xuân. Suy ngẫm về tính xã hội học trong kiểm tra ngôn ngữ. *Tạp chí Ngoại ngữ hiện đại*, kỳ 4.)

张凯 Zhang Kai (2002) 语言测试理论与实践, 北京语言文化大学出版社.

(Trương Khải. *Lý luận và thực tiễn kiểm tra ngôn ngữ*. NXB ĐH Văn hóa Bắc Kinh.)

张凯 Zhang Kai (2006) 汉语水平考试(HSK)研究, 北京商务印书馆.

(Trương Khải. *Nghiên cứu kỳ thi trình độ tiếng Trung Quốc (HSK)*. NXB Thương mại Bắc Kinh.)

邹申 Zhou Shen (2011) 简明英语测试教程, 高等教育出版社.

(Trâu Thân. *Giáo trình Kiểm tra tiếng Anh*. NXB Giáo dục Đại học.)

Trang mạng

北京语言大学 HSK 汉语水平考试中心 www.hsk.org.cn

国家汉办/孔子学院总部 www.hanban.org

国家汉办汉语考试服务网 www.chinesetesting.cn

國家華語測驗推動工作委員會 www.sc-top.org.tw/chinese/materials.php

AN INVESTIGATION OF THE TEST SCORES IN THE CHINESE LISTENING TEST

Dinh Thi Hong Thu

VNU University of Languages and International Studies,

Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: In teaching-learning in general, and teaching-learning foreign languages in particular, tests and exams are among important forms to assess students' learning results in the learning process. A quality test can provide feedback for teaching and learning, help teachers and learners to promptly make necessary adjustments to improve the effectiveness of their teaching and learning. This research would preliminarily evaluate the quality of the test in Chinese listening for students at elementary level of proficiency based on the analysis of test papers and test scores of SC1, SC2. The research consists of 2 main parts: 1. Description and analysis of the tests; 2. Analysis of students' test scores, and determination of the validity, reliability and difficulty of the tests using SPSS and Excel. The research results provide more feedback for subsequent test development and improvement.

Keywords: assessment, Chinese listening test, test scores